

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Chương I.....                                                                                                                  | 1  |
| THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....                                                                                          | 1  |
| 1. Tên chủ dự án đầu tư: .....                                                                                                 | 1  |
| 2. Tên dự án đầu tư: .....                                                                                                     | 1  |
| 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:.....                                                                       | 1  |
| 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: ..... | 3  |
| 5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư : .....                                                                       | 4  |
| Chương II.....                                                                                                                 | 7  |
| SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....                                              | 7  |
| 1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: .....           | 7  |
| 2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....                                                  | 8  |
| Chương III .....                                                                                                               | 10 |
| HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....                                                                         | 10 |
| Chương IV .....                                                                                                                | 11 |
| ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....                                                      | 11 |
| 1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án: .....                          | 11 |
| 2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .....                             | 16 |
| 3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....                                                         | 24 |
| 4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:.....                                              | 26 |
| 4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá, dự báo .....                                                                | 26 |
| 4.2. Nhận xét về độ tin cậy của các đánh giá.....                                                                              | 26 |
| Chương V .....                                                                                                                 | 27 |
| NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....                                                                                | 27 |
| 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....                                                                          | 27 |
| 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có.....                                                                   | 27 |
| 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: .....                                                                  | 27 |
| Chương VI.....                                                                                                                 | 28 |
| KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....                    | 28 |
| 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư: .....                                             | 28 |
| 2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....                                                   | 28 |
| Chương VII.....                                                                                                                | 29 |
| CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....                                                                                             | 29 |

## **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

|       |                               |
|-------|-------------------------------|
| BTNMT | : Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| BTCT  | : Bê tông cốt thép            |
| CTNH  | : Chất thải nguy hại          |
| CTR   | : Chất thải rắn               |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên       |
| HT    | : Hệ thống                    |
| CCN   | : Cụm công nghiệp             |
| TCVN  | : Tiêu chuẩn Việt Nam         |
| TNHH  | : Trách nhiệm hữu hạn         |

## **DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ**

|                                                                                          |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1: Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, hóa chất của dự án .....                     | 3  |
| Bảng 2: Các hạng mục công trình .....                                                    | 4  |
| Bảng 3: Trang thiết bị máy móc của dự án. ....                                           | 5  |
| Bảng 4: Thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải tập trung .....                         | 19 |
| Bảng 5: Danh mục các công trình bảo vệ môi trường .....                                  | 25 |
| Sơ đồ 1: Quy trình gia công cơ khí .....                                                 | 2  |
| Sơ đồ 2: Quy trình thu gom nước thải của dự án .....                                     | 17 |
| Sơ đồ 3: Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại .....                                        | 17 |
| Sơ đồ 4: Quy trình bể xử lý nước thải tập trung công suất 6m <sup>3</sup> /ngày đêm..... | 18 |
| Sơ đồ 5: Hệ thống thu gom nước mưa .....                                                 | 20 |

## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Tên chủ dự án đầu tư:**

Công ty cổ phần thương mại sản xuất KDG.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, ngõ 20, đường Phương Canh, Tổ 2, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng; Chức danh: Tổng giám đốc Công ty

- Số điện thoại: 024.37633556.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0104977939 đăng ký lần đầu ngày 03/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/06/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần thương mại sản xuất KDG.

#### **2. Tên dự án đầu tư:**

“Xây dựng nhà máy sản xuất cơ khí KDG”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô CN5-12; CN5-16, Cụm Công nghiệp Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án công nghiệp thuộc nhóm C.

#### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:**

##### **3.1. Công suất của dự án đầu tư:**

Dự án đi vào hoạt động với công suất sản xuất các sản phẩm cơ khí là 950 tấn sản phẩm/năm. Trong đó:

+ Các sản phẩm gia công cơ khí như cấu kiện kim loại, máy công cụ, phụ tùng: 650 tấn sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm khác như bi, hàng rào, bánh răng, nắp công, ống sậy,...: 300 tấn sản phẩm /năm.

##### **3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:**

Đúc rút từ kinh nghiệm từ một số mô hình sản xuất cũng như tham khảo quy trình công nghệ sản xuất gia công cơ khí từ một số cơ sở sản xuất khác tại khu vực tỉnh Nam Định. Công ty quyết định lựa chọn công nghệ sản xuất, cho dự án tại CCN Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với những ưu điểm sau:

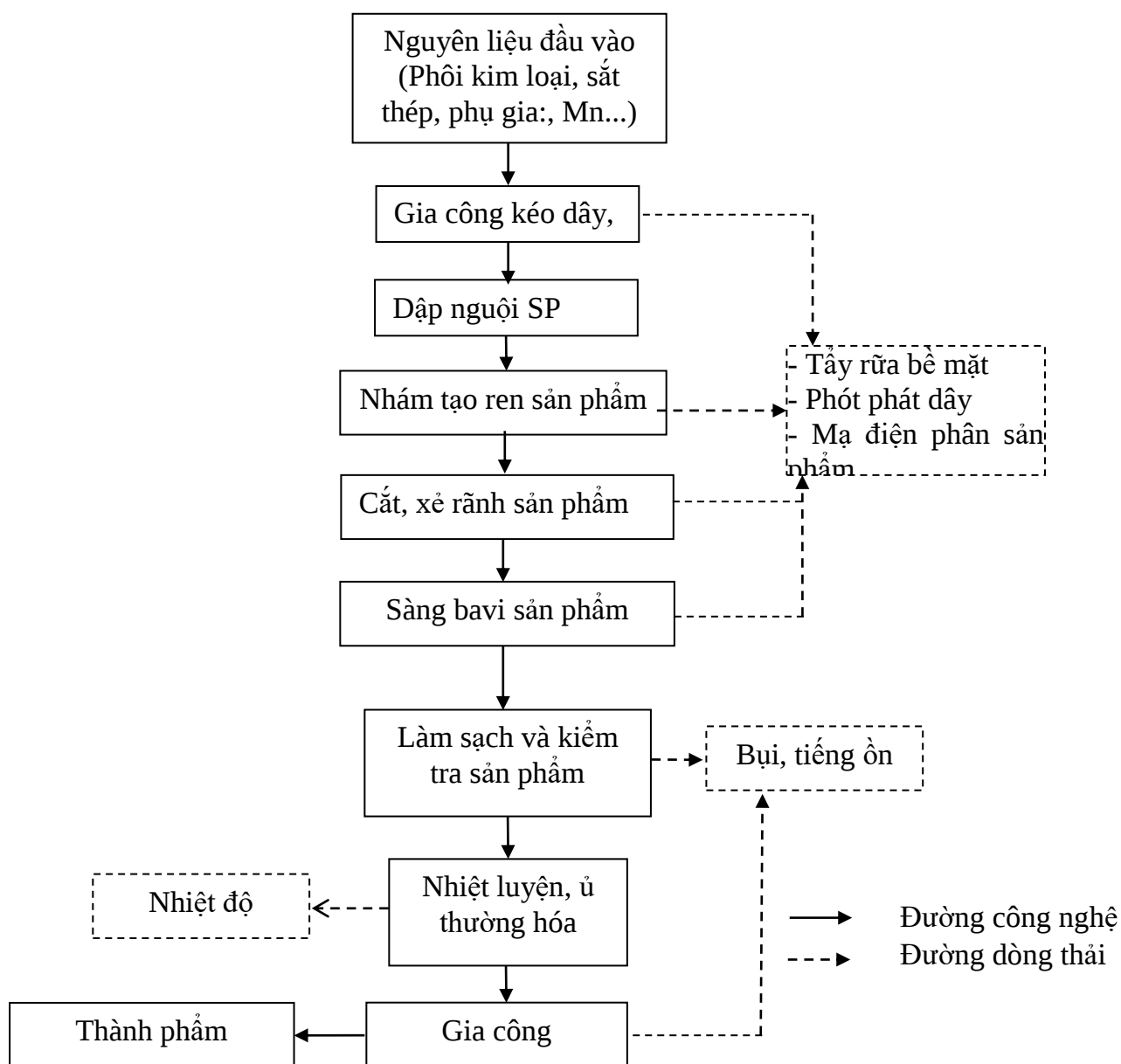
- Quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện khu vực và được áp dụng phổ biến đối với các cơ sở sản xuất cơ khí trong tỉnh.

- Quá trình vận hành đơn giản, chi phí vận hành thấp.

- Dễ dàng trong việc tuyển dụng CBCNV có kinh nghiệm.
- Không phát sinh nước thải sản xuất do vậy hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

Cụ thể như sau:

### Sơ đồ 1: Quy trình gia công cơ khí



### Thuyết minh quy trình công nghệ

Để sản xuất 1 chi tiết sản phẩm cơ khí, phải sản xuất phôi dây cho khâu đầu vào khâu dập, sản phẩm sau khâu dập được đưa đi gia công các nguyên công tiếp theo như nhám tạo ren, cắt xẻ rãnh, sàng bavi và mạ điện phân.

Sản phẩm sau khi mạ điện phân được mang đi đóng gói thành các thùng, các hộp để phân phối ra thị trường.

Với quy trình sản xuất dây cho các khâu chế tạo tinh, dây thép thô được nhập từ nhà máy về, được đưa ra tẩy rửa và làm sạch bề mặt, sau đó tạo một màng mỏng phốt phát bám trên bề mặt dây, dây được đưa vào khâu kéo rút để kéo về kích thước có đường kính mong muốn.

### 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí như bulong, ốc vít, tắc kê đạn... và các loại dây thép cung cấp liệu đầu vào cho các khâu sản xuất hàng kim khí.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

### 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, hóa chất

**Bảng 1: Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, hóa chất của dự án**

| STT       | Nguyên liệu, hóa chất                                                                                               | ĐVT | Lượng sử dụng/năm |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nguyên liệu, hóa chất trong sản xuất</b>                                                                         |     |                   |
| 1         | Phôi sắt, thép                                                                                                      | Tấn | 10.000            |
| 2         | Phốt phát, Zn, HCL....                                                                                              | Tấn | 100               |
| 3         | Nguyên, phụ liệu khác:<br>KCL, H <sub>3</sub> BO <sub>3</sub> , Cr <sub>3</sub> <sup>+</sup> , HNO <sub>3</sub> ... | Tấn | 30                |
| 4         | Ca <sub>2</sub> CO <sub>3</sub> , NaCO <sub>3</sub> ,....                                                           | Tấn | 3                 |
| <b>II</b> | <b>Nguyên liệu hóa chất trong xử lý nước thải</b>                                                                   |     |                   |
| 1         | Clo khử trùng                                                                                                       | kg  | 1                 |
| 2         | Chế phẩm vi sinh                                                                                                    | kg  | 8                 |
| 3         | Than hoạt tính                                                                                                      | kg  | 10                |

### 4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và nguồn cung cấp điện nước

- Nguồn điện cung cấp cho hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt của CBCNV tại Công ty được cấp bởi Công ty điện lực huyện Ý Yên. Dự kiến khi đi vào hoạt động ổn định, lượng điện sử dụng của dự án ước tính là 500.000 Kwh/năm.

- Nhu cầu sử dụng nước: Công ty sẽ sử dụng nguồn nước sạch được cấp từ nhà máy nước thị trấn Lâm thông qua hệ thống đường ống vào cụm công nghiệp cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên dự án. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động của dự án như sau:

+ Lượng nước dùng trong sinh hoạt: Căn cứ Theo TCXDVN số 33:2006/BXD, lượng nước cấp cho 1 người là 100lít/người/ngày. Với tổng số cán

bộ công nhân viên hoạt phục vụ dự án dự kiến khi đi vào hoạt động ổn định là 50 người, thì lưu lượng nước sinh hoạt tối đa trong một ngày sẽ là:

$$50 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 5.000 \text{ lít/ngày} = 5\text{m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước dùng cho quá trình làm tẩy rửa, làm sạch bề mặt thép. Tẩy rửa làm sạch bề mặt các sản phẩm cơ khí để mạ điện phân. Nước được luân chuyển tuần hoàn và thải ra khu xử lý khoảng  $15\text{m}^3$  nước/ngày.

+ Nước tưới cây xanh: Căn cứ theo TCVN 4513:1988 Tiêu chuẩn cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế - PCCC định mức nước sử dụng  $3 \text{ lít/m}^2$  cây xanh tương ứng lượng nước sử dụng:  $1.024 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2 = 3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Như vậy, tổng lượng nước sử dụng của dự án khi đi vào hoạt động ổn định là  $5+15+3 = 9, \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

## 5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư :

### 5.1. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án:

Dự án được triển khai xây dựng trên diện tích  $5.048\text{m}^2$  tại Lô CN5-12 và lô CN5-16 bản đồ phân lô Cụm công nghiệp Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp lô CN5-13-14-15.
- + Phía Tây Bắc giáp đường N5 trong CCN.
- + Phía Đông Nam giáp đường N3 trong CCN.
- + Phía Tây Nam giáp lô CN5-3-11, 17-25.

### 5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất cơ khí KDG” thực hiện tại CCN Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định triển khai xây dựng trên diện tích  $5.048\text{m}^2$  gồm các hạng mục:

**Bảng 2. Các hạng mục công trình**

| STT       | Hạng mục                               | Số tầng | Diện tích xây dựng ( $\text{m}^2$ ) |
|-----------|----------------------------------------|---------|-------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hạng mục các công trình chính</b>   |         |                                     |
| 1         | Nhà xưởng sản xuất                     | 02      | 2.465                               |
| 2         | Nhà điều hành                          | 02      | 225                                 |
| <b>II</b> | <b>Hạng mục các công trình phụ trợ</b> |         |                                     |
| 1         | Cổng + tường rào                       | 01      | 324,5m                              |
| 2         | Trạm điện                              | 01      | 17,5                                |
| 3         | Nhà bảo vệ                             | 01      | 19,5                                |

|             |                                                                       |      |              |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------|------|--------------|
| 4           | Bể nước cấp + PCCC (bể ngầm)                                          | 01   | 75           |
| 5           | Cây xanh (20%)                                                        |      | 1.024        |
| 6           | Sân, đường nội bộ                                                     |      | 1.297        |
| 7           | Hệ thống cấp nước                                                     | 01HT |              |
| 8           | Hệ thống PCCC                                                         | 01HT |              |
| 9           | Hệ thống cấp điện                                                     | 01HT |              |
| <b>III</b>  | <b>Hạng mục các công trình bảo vệ môi trường</b>                      |      |              |
| 1           | Hệ thống thu gom thoát nước mưa                                       | 01HT |              |
| 2           | Hệ thống thu gom thoát nước thải                                      | 01HT |              |
| 3           | Bể tự hoại                                                            | 02   | Xây ngầm     |
| 4           | Kho chứa chất thải rắn thông thường (bố trí bên trong xưởng sản xuất) | 01   | 6,5          |
| 5           | Kho chứa chất thải nguy hại (bố trí bên trong xưởng sản xuất)         | 01   | 3,5          |
| 6           | Bể xử lý nước thải tập trung (xây ngầm)                               | 01   | 10           |
| <b>Tổng</b> |                                                                       |      | <b>5.048</b> |

5.3. Danh mục trang thiết bị máy móc của dự án:

**Bảng 3: Trang thiết bị máy móc của dự án.**

| TT | Hạng mục đầu tư                 | ĐVT | Số lượng | Xuất xứ    | Tình trạng |
|----|---------------------------------|-----|----------|------------|------------|
| 1  | Máy kéo đơn DL800, DL1000       | cái | 2        | Trung Quốc | 95%        |
| 2  | Máy dập nguội liên hoàn         | cái | 4        | Trung Quốc | 85%        |
| 3  | Máy nhám                        | cái | 6        | Trung Quốc | 80%        |
| 4  | Máy taro ren trong              | cái | 8        | Trung Quốc | 90%        |
| 5  | Máy cắt xẻ rãnh                 | cái | 12       | Trung Quốc | 90%        |
| 6  | Máy sang phoi                   | cái | 1        | Trung Quốc | 80%        |
| 7  | Dây chuyền mạ điện phân         | bộ  | 1        | Trung Quốc | 85%        |
| 8  | Hệ thống xử lý bề mặt phốt phát | Bộ  | 1        | Trung Quốc | 80%        |
| 9  | Hệ thống xử lý nước thải        | Bộ  | 1        | Việt Nam   | 80%        |
| 10 | Máy kéo đơn                     | Cái | 10       | Việt Nam   | 100%       |
| 11 | Máy kéo liên hoàn               | Bộ  | 2        | Việt Nam   | 100%       |
| 12 | Hệ thống lò ủ                   | Bộ  | 2        | Đài loan   | 100%       |
| 13 | Dây chuyền nhiệt                | Bộ  | 1        | Đài loan   | 100%       |
| 14 | Máy mài cầm tay                 | cái | 10       | Việt Nam   | 90%        |

|    |              |    |    |          |     |
|----|--------------|----|----|----------|-----|
| 15 | Dầm cầu trục | HT | 02 | Việt Nam | 70% |
|----|--------------|----|----|----------|-----|

(Nguồn: Thuyết minh dự án)

#### 5.4. Tổng mức đầu tư thực hiện dự án

Tổng vốn đầu tư: 58.983.168.000VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí đầu tư xây dựng công trình: 57.983.168.000 đ
- Chi phí dự phòng: 1.000.000.000 đ

#### 5.5. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý III/2022: Lập thủ tục thuê đất xong;
- Quý IV/2022: Chuẩn bị đầu tư;
- Quý II/2023: Triển khai đầu tư xây dựng công trình;
- Quý III/2025: Đưa dự án vào hoạt động.

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất cơ khí KDG” tại CCN Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định của Công ty cổ phần thương mại sản xuất KDG được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

*\* Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh:*

- Loại hình hoạt động của dự án phù hợp với Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong đó định hướng phát triển ngành công nghiệp là: Tập trung đầu tư hình thành một số ngành, sản phẩm chủ lực của địa phương có khả năng cạnh tranh trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao như đóng tàu, trung tâm điện lực, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất dược liệu, cơ khí chế tạo, ô tô, xe máy, điện tử - tin học,...

- Loại hình hoạt động của dự án phù hợp với định hướng phát triển theo Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp huyện có lợi thế: cơ khí, chế biến gỗ và mộc dân dụng, dệt may.

*\* Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của CCN Yên Dương:*

- Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 4/4/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, ngành nghề quy hoạch của CCN Yên Dương là chế biến gỗ, cơ khí, thủ công mỹ nghệ,... do vậy loại hình hoạt động của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư tại CCN Yên Dương.

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 07/06/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập CCN Yên Dương và Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND huyện Ý Yên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 CCN Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, ngành nghề thu hút đầu tư tại CCN Yên Dương là chế biến gỗ, cơ khí, thủ công mỹ nghệ, được

phẩm, dệt may, da giày, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp khác. Lô đất CN5-12 và lô CN5-16 của Công ty cổ phần thương mại sản xuất KDG có diện tích 5.048m<sup>2</sup> nằm trong 37,461ha đất xây dựng nhà máy, kho tàng của CCN Yên Dương. Do vậy dự án phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của CCN.

Dự án “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Dương*” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1719/QĐ-BTNMT ngày 09/7/2019 và Văn bản số 1887/BTNMT-TCMT ngày 23/4/2021 về việc thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Hiện nay, CCN đã đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng bao gồm các hạng mục công trình như: Đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, khu xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa, hệ thống cây xanh,... Với các điều kiện nêu trên của CCN sẽ là điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện dự án.

## **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

CCN Yên Dương thuộc địa bàn xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với diện tích khoảng 49,35ha. CCN Yên Dương đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Dương*” tại Quyết định số 1719/QĐ-BTNMT ngày 09/7/2019 và Quyết định số 1887/BTNMT-TCMT ngày 23/4/2021 về việc thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Tổng cục thủy lợi cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi tại giấy phép số 29/GP-TCTL-PCTTr ngày 13/01/2021.

Hiện nay CCN đang trong giai đoạn kêu gọi doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp đầu tư vào CCN. Hiện chưa có doanh nghiệp nào đi vào hoạt động.

Hiện nay CCN đã đầu tư hệ thống hạ tầng gồm hệ thống đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom nước mưa, trồng cây xanh hoàn chỉnh.

Đối với dự án Xây dựng nhà máy sản xuất cơ khí KDG được thực hiện tại Lô CN5-12 và lô CN5-16, Cụm công nghiệp Yên Dương. Với vị trí thực hiện dự án phù hợp với phân khu chức năng ngành nghề của CCN đã được phê duyệt. Trong quá trình đi vào hoạt động dự án có phát sinh nước thải, khí thải, chất thải rắn và được Công ty thu gom xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, cụ thể như sau:

- Đối với nước thải sinh hoạt: được thu gom đưa về bể xử lý nước thải tập trung công suất 6m<sup>3</sup>/ngày, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của CCN Yên Dương.

Cam kết ký hợp đồng xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Đối với chất thải rắn: bao gồm rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại được thu gom phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Như vậy với các biện pháp giảm thiểu của Công ty khi dự án đi vào hoạt động sẽ đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường khu vực dự án và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

### **Chương III**

#### **HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất cơ khí KDG được thực hiện tại Lô CN5-12 và lô CN5-16, Cụm Công nghiệp Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. CCN Yên Dương đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1719/QĐ-BTNMT ngày 09/7/2019 cho dự án: “Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Dương” thực hiện tại xã Yên Dương, huyện Ý Yên tỉnh Nam Định. Vì vậy theo quy định tại điểm c, khoản 4, điều 28 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì nội dung hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án không phải mô tả đánh giá.

## Chương IV

### ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

##### 1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

*\* Đối với nước thải sinh hoạt:*

+ Chủ thầu xây dựng sẽ ưu tiên tuyển dụng công nhân địa phương có điều kiện tự túc ăn ở để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt trên công trường. Tổ chức nhân lực hợp lý theo từng công đoạn thi công.

+ Đơn vị thi công sẽ tiến hành lắp đặt 01 nhà vệ di động đơn buồng tương ứng tại khu vực lán trại, vị trí đặt nhà vệ sinh di động dự kiến góc phía Bắc dự án.

Thông số của nhà vệ sinh di động như sau:

+ Nhà vệ sinh di động vật liệu chế tạo bằng composite không han rỉ, bền với thời gian.

+ Chiều dài: 950 mm

+ Chiều rộng: 1.300 mm

+ Chiều cao: 2.500 mm

+ Dung tích bể nước sạch: 500 lít

+ Dung tích bể chứa chất thải: 2m<sup>3</sup>.

Chất thải từ nhà vệ sinh di động thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý hàng ngày.

Trong quá trình thi công, nhà vệ sinh di động sẽ được bố trí thuận tiện với hoạt động thi công của công nhân, đồng thời tránh xa hệ thống thoát nước mặt của CCN nhằm hạn chế tác động đến hệ thống thoát nước CCN khi có sự cố rò rỉ.



Hình ảnh 1: Hình ảnh minh họa nhà vệ sinh di động đơn

*\* Đối với nước mưa chảy tràn và nước thải xây dựng:*

- Đơn vị thi công tạo rãnh thoát nước xung quanh chân công trình để thu gom, thoát nước trong quá trình xây dựng. Nước thải xây dựng sau khi đã thu gom được đưa vào hố ga lắng cạn kích thước (1,2 x 1,2 x 1,5)m, thể tích 2,1m<sup>3</sup> trước khi được đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt của CCN Yên Dương nằm trên tuyến đường N5 phía Tây Bắc của dự án.

- Đơn vị thi công thường xuyên kiểm tra vệ sinh, nạo vét bùn cặn tại rãnh thu gom, thoát nước, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải, nước mưa.

- Yêu cầu công nhân sử dụng nước theo đúng định mức trong quá trình đào trộn xi măng, cát, đá,... để hạn chế phát sinh nước thải ra môi trường bên ngoài.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát vào đường thoát thải.

*\* Các biện pháp giảm thiểu khác:*

+ Các phương tiện hoạt động trên công trường khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara để sửa chữa, thay thế và bảo hành định kỳ để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi của các loại dầu máy có chứa thành phần nguy hại tới môi trường.

+ Không tập kết vật tư gần hệ thống công thoát nước của Cụm công nghiệp nhằm hạn chế gây ô nhiễm môi trường nguồn nước mặt tiếp nhận trực tiếp nước thải từ CCN.

+ Các khu vực chứa nhiên liệu (dầu, xăng, ...), thiết bị, nguyên vật liệu thi công được bố trí nơi cao ráo, xa hệ thống thoát nước.

*1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại:*

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*\* Đối với chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.*

Bố trí tổng số 2 thùng chứa thể tích 100 lít để chứa rác thải sinh hoạt trên khu vực thi công xây dựng dự án, sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương 2 ngày đến thu gom đem đi xử lý theo quy định

*\* Đối với chất thải từ hoạt động xây dựng.*

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng, nhà thầu thực hiện các biện pháp sau:

+ Chủ đầu tư kết hợp với đơn vị thi công xây dựng có trách nhiệm quy hoạch vị trí tập kết phù hợp, thuận tiện trong quá trình vận chuyển và không ảnh hưởng đến quá trình thi công xây dựng đồng thời giám sát nhà thầu thực hiện. Bố trí công nhân thường xuyên thu gom chất thải rắn phát sinh trên công trường

+ Xây dựng kế hoạch vận chuyển chất thải ra khỏi khu vực dự án trong thời gian sớm nhất, thời gian lưu chứa chất thải không quá 3 ngày.

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân, người lao động, tránh phóng uế, vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường;

+ Lượng gạch vỡ, vữa tường, bê tông, đất, cát...phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom dùng để san lấp tôn nền và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

+ Các loại sắt thép vụn, bao bì, gỗ... thu gom tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

Ngoài ra, để giảm thiểu tác động do chất thải này thì đơn vị thi công sẽ áp dụng các biện pháp thi công nhanh gọn, thi công đến đâu sẽ dọn sạch đến đấy, tránh làm ảnh hưởng đến mặt bằng thi công, gây mất mỹ quan tại khu vực xây dựng.

*\* Chất thải nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công như giẻ lau dính dầu mỡ, sơn thải,... sẽ được thu gom hàng ngày vào các thùng chứa riêng biệt (03 thùng chứa có thể tích 50 lít/thùng), có nắp đậy đặt trong khu vực có diện tích 2,5m<sup>2</sup> có mái che bố trí trong khu vực dự án.

Các chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Ngoài ra đơn vị thi công hạn chế việc sửa chữa phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu dầu thải, giẻ lau dính dầu phát sinh trên công trường.

Sau khi giai đoạn thi công xây dựng hoàn thiện, đơn vị thi công sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh ra khỏi khu vực dự án theo quy định.

### *1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:*

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, hạn chế chất thải rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Không đốt tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án đặc biệt là plastic, cao su bởi khi đốt các chất này sinh ra một hàm lượng lớn các hợp chất dioxin và khói bụi của chúng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Hạn chế hoạt động cùng một lúc các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn, nhằm tránh sự cộng hưởng làm gia tăng độ ồn.

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su, v.v...

- Không làm việc vào những giờ nghỉ ngơi từ 22h hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau và từ 11h đến 13h.

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố;

- Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành bảo dưỡng các loại xe và thiết bị xây dựng tại các gara gần dự án nhất để giảm tối đa lượng khí thải ra;

- Phân luồng xe ra vào khu vực dự án, tập kết nguyên vật liệu hợp lý để hạn chế sự tập trung quá đông các phương tiện vận chuyển tại công trường, các phương tiện vận chuyển qua khu dân cư phải giảm tốc độ tránh khả năng gây tai nạn giao thông;

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn hàn. Khí thải từ công đoạn này ảnh hưởng nhiều nhất tới công nhân thi công và nhanh chóng phát tán vào không khí. Vì vậy, để giảm thiểu tác động của khí thải loại này bằng cách trang

bị bảo hộ lao động cho các công nhân thi công tại công trường như: mũ hàn, quần áo.

#### *1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:*

##### *\*. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.*

- Có kế hoạch sử dụng thiết bị hợp lý tránh sử dụng đồng thời nhiều thiết bị.
- Không vận hành thiết bị thi công trong thời gian nghỉ trưa và vào ban đêm,
- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ, không đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng.
- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.
- Trong quá trình thi công, việc đóng cọc bê tông dùng phương pháp ép nén cọc, không dùng búa máy.
- Không làm việc vào những giờ nghỉ ngơi từ 22h hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau và từ 11h đến 13h.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân lao động tham gia thi công trên công trường.

##### *\*. Biện pháp giảm thiểu độ rung.*

- Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động,...
- Biện pháp dùng kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời định kỳ kiểm tra hoặc thay thế. Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng.
- Bố trí khoảng cách vận hành giữa các thiết bị tránh sự cộng hưởng làm tăng độ rung của các loại máy móc.

#### *1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác*

##### *\* Biện pháp giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội của địa phương.*

Chủ đầu tư và nhà thầu thi công sẽ kết hợp với chính quyền địa phương thực hiện những giải pháp cụ thể sau:

- Thực hiện kê khai tạm trú, tạm vắng cho công nhân từ các địa phương khác đến và quản lý các hoạt động của công nhân tại địa phương.

- Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động ngay tại địa phương góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương và giảm được áp lực về tăng dân số cơ học, mâu thuẫn xã hội, an ninh trật tự.

- Phát hiện và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, xung đột phát sinh giữa các công nhân xây dựng, giữa công nhân với người dân địa phương.

- Đề ra hình thức xử phạt nghiêm đối với những trường hợp vi phạm nội quy, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; mắc các tệ nạn xã hội như tệ nạn cờ bạc, say rượu, sử dụng chất kích thích....

- Có lực lượng bảo vệ công trường, bố trí hệ thống cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại các khu vực đang thi công nhằm hạn chế các tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra với người dân, đặc biệt là trẻ nhỏ sống gần khu vực dự án.

*\* Về vấn đề dịch bệnh:*

- Tổ chức quản lý chặt chẽ đối với công nhân lao động trên công trường trong và ngoài giờ làm việc tại khu lán trại cũng như nơi ở trọ chống phát sinh tệ nạn xã hội. Chăm lo điều kiện ăn ở cho công nhân phòng ngừa phát sinh bệnh dịch.

- Hiện nay do ảnh hưởng của dịch Covid 19 bùng phát, nên Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng cần phải thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch. Nếu trong giai đoạn thi công dịch còn bùng phát thì phải thực hiện tốt khẩu hiệu 2K.

- Đối với sức khỏe người lao động: Tổ chức cuộc sống cho công nhân, đảm bảo các điều kiện sinh hoạt như nước sạch, ăn, ở... Công nhân thi công ngoài trời trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động để thời tiết không làm ảnh hưởng tới sức khỏe của họ, bệnh dịch không xảy ra và không làm ảnh hưởng tới môi trường khu vực. Trang bị tủ thuốc tại công trường để sơ cứu kịp thời khi xảy ra tai nạn lao động.

- Đối với vấn đề an toàn lao động: Khi thi công trên cao, vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt máy móc thiết bị, sử dụng điện phục vụ cho thi công... trang bị đủ các phương tiện bảo hộ lao động như: mũ cứng bảo hiểm trên công trường, khẩu trang, áo phản quang, đèn tín hiệu, cờ báo, phòng hộ cá nhân trong các công việc xây dựng nguy hiểm dễ gây thương tích...; Công nhân trực tiếp thi công được huấn luyện và thực hành thao tác, kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật và đáp ứng kịp thời khi có sự cố xảy ra.

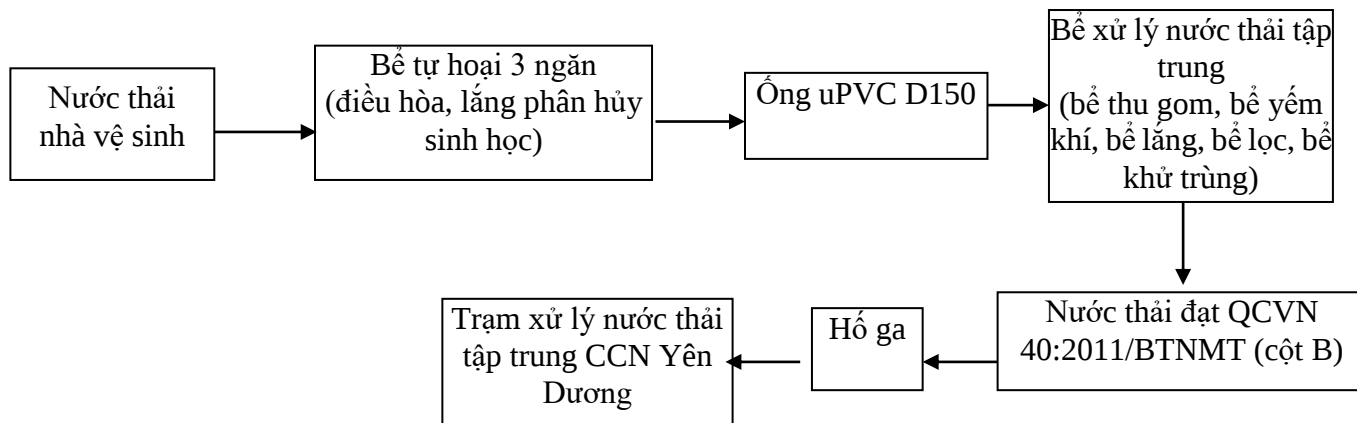
## **2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

### *2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:*

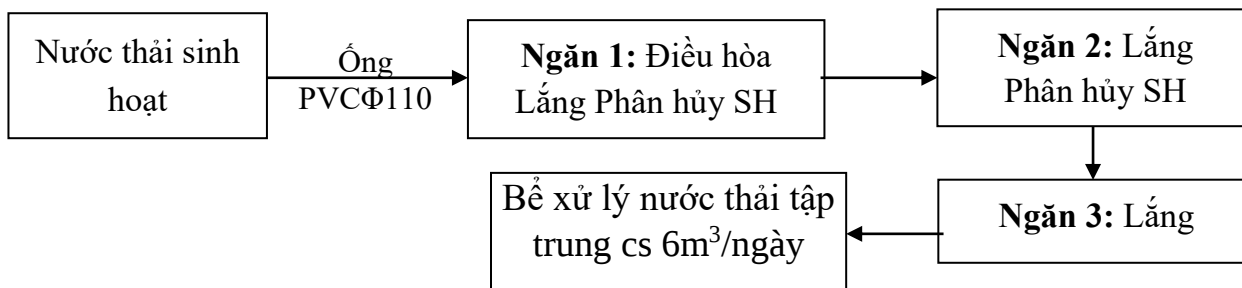
\* Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động khoảng  $5\text{m}^3/\text{ngày}$ , thì quy trình thu gom xử lý nước thải của dự án như sau:

Sơ đồ 2: Quy trình thu gom nước thải của dự án



Nước thải từ khu nhà vệ sinh trong khu vực dự án được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời các chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Nước thải sinh hoạt sau khi qua tự hoại được thu gom đưa về bể xử lý nước thải tập trung công suất  $6\text{m}^3/\text{ngày}$  để xử lý.



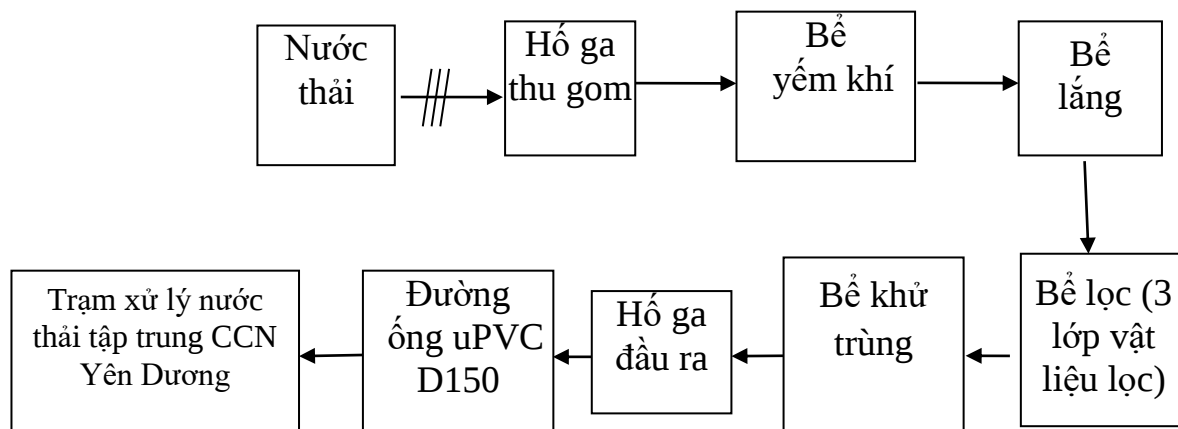
Sơ đồ 3. Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom theo đường ống D110 về bể tự hoại (3 ngăn). Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại dựa trên hoạt động của các vi sinh vật phân hủy yếm khí, các bể có chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Nước thải thu về ngăn số 1 và chảy tràn sang ngăn số 2. Tại đây 70 - 85% chất hữu cơ được phân hủy, bùn lắng xuống đáy ngăn. Nước thải phân hủy ở ngăn số 2 chảy tràn sang ngăn số 3, qua các ngăn này hầu hết các cặn bã đều được giữ lại, chất hữu cơ bị phân hủy thành  $\text{CO}_2$ ,  $\text{CH}_4$  và  $\text{H}_2\text{O}$  do có bổ sung thêm vi sinh vật, nước thải sau đó chảy theo đường ống dẫn uPVC D150,  $L=48,5\text{m}$  về bể xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Trên đường ống dẫn nước thải về bể xử lý nước thải tập trung có bố trí các hố ga lắng cặn kích thước  $(50 \times 50 \times 100)\text{cm}$ , tổng số 4 hố ga. Các chất cặn bã trong bể tự hoại, hố ga được định kỳ hút và đưa đi xử lý theo quy định.

Quy trình hoạt động của bể xử lý nước thải tập trung như sau:

- Bể xử lý nước thải tập trung công suất  $6\text{m}^3/\text{ngày}$  có kích thước  $(5 \times 2 \times 1,8)\text{m}$  được xây ngầm góc phía Bắc dự án. Bể xử lý nước thải tập trung chia làm 4 bể gồm bể yếm khí, bể lắng, bể lọc (sỏi, cát, than hoạt tính), bể khử trùng (cloramin B).

Sơ đồ 4. Quy trình bể xử lý nước thải tập trung công suất  $6\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm



Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom theo hệ thống đường ống thu nước uPVC D150 dẫn vào hố ga thu gom nước đầu vào trước khi vào bể xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ đi qua song chắn rác để loại bỏ các loại rác có kích thước  $> 10\text{mm}$ .

+ Bể yếm khí với thể tích là  $5,5\text{m}^3$  thời gian lưu nước là 2,2 ngày tại đây diễn ra quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ bởi các vi sinh vật yếm khí.

Tại bể yếm khí nước thải được phân bố đều trên diện tích đáy bể và đi từ dưới lên qua lớp đệm bùn lơ lửng, khi qua lớp bùn này, hỗn hợp bùn (vi sinh vật) yếm khí trong bể sẽ hấp phụ chất hữu cơ ( $\text{BOD}_5$ , COD...) hòa tan trong nước thải, đồng thời phân hủy và chuyển hóa chúng thành khí metan, cacbonic và các khí khác. Hỗn hợp nước thải và bùn hoạt tính sau đó được dẫn qua bể lắng.

+ Bể lắng: Tại đây diễn ra quá trình lắng sinh học nước thải, bể được thiết kế với thể tích  $2\text{m}^3$  với thời gian lưu nước là 19 giờ, bùn cặn có trọng lượng lớn sẽ được lắng xuống đáy. Lớp nước bên trên sẽ chảy sang bể lọc.

+ Bể lọc: Nước thải từ bể lắng sẽ lần lượt đi qua 03 lớp vật liệu lọc là sỏi cuội, cát, than hoạt tính. Khi nước thải đi qua một lớp vật liệu, các chất rắn có kích thước lớn hơn sẽ bị giữ lại trên bề mặt vật liệu lọc hoặc giữa các khe hở của lớp vật liệu lọc. Quá trình lọc nhằm loại bỏ các chất rắn lơ lửng, khử bớt nước của bùn lấy ra từ bể lắng. Lớp than hoạt tính dùng để hấp phụ. Nguyên tắc chủ yếu của quá trình hấp phụ là bề mặt của các chất rắn (sử dụng làm chất hấp phụ) khi tiếp xúc với nước thải có khả năng giữ lại các chất hòa tan trong nước thải trên bề mặt của nó do sự khác nhau của sức căng bề mặt. Quá trình hấp phụ có hiệu quả trong việc làm giảm hơi mùi, màu, COD,  $\text{BOD}_5$  còn trong nước thải... Các lớp vật liệu lọc

sau một thời gian sử dụng sẽ bảo hòa và mất khả năng hấp phụ và cần được thay rửa hoặc thay thế vật liệu mới, Công ty sẽ căn cứ vào khả năng hấp phụ của vật liệu lọc để có chế độ thay thế hoặc thay rửa phù hợp. Quá trình thay thế vật liệu lọc thực hiện bằng cách thủ công: nhắc nắp bể lên sau đó tiến hành thay vật liệu lọc hoặc thay rửa.

+ Bể khử trùng: Nước thải sau khi qua các lớp vật liệu lọc theo đường ống chảy vào bể khử trùng thể tích  $0,9\text{m}^3$ , thời gian lưu nước 8,6 giờ, tại bể khử trùng có bổ sung hóa chất Cloramin (dạng viên 200g/viên, đặt trong ống nhựa có đường kính  $\Phi 200$ , ống nhựa được thiết kế đi xuyên qua nắp bể bể khử trùng với chiều cao cách nắp bể khoảng 10cm, có nắp bịt đầu đường ống thể thuận lợi cho việc bổ sung hóa chất khử trùng dạng viên vào ống mà không phải cạy nắp bể tông), trong bể tại bể khử trùng có bổ sung hóa chất Cloramin (dạng viên, đặt trong ống nhựa có đường kính  $\Phi 200$ ) nước thải đi qua sẽ được loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform có trong nước thải, do đó tránh được khả năng lan truyền các vi sinh gây bệnh ra môi trường. Hóa chất khử trùng sẽ được tính toán bổ sung hàng tuần để tiêu diệt hoàn toàn các vi sinh vật gây bệnh còn sót lại trong nước thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải sau đó được đầu nối vào đường ống thoát nước thải HDPE D300 của CCN Yên Dương trên vỉa hè đường N5 phía Tây Bắc dự án dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Dương xử lý tiếp.

Công ty sẽ ký hợp đồng với Công ty CP xây dựng hạ tầng Đại Phong chủ đầu tư của Cụm công nghiệp để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra kênh đường 12.

Bảng 4: Thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải tập trung

| STT | Tên công trình                    | Số lượng | Kích thước xây dựng (m) | Thể tích chứa nước ( $\text{m}^3$ ) |
|-----|-----------------------------------|----------|-------------------------|-------------------------------------|
| 1   | Bể yếm khí                        | 01       | 2,3mx1,6mx1,5m          | 5,5                                 |
| 2   | Bể lắng                           | 01       | 1,6mx0,9mx1,5m          | 2,1                                 |
| 3   | Bể lọc (sỏi, cát, than hoạt tính) | 01       | 1,2mx1mx1,5m            | 1,8                                 |
| 4   | Bể khử trùng                      | 01       | 1,2mx0,5mx1,5m          | 0,9                                 |

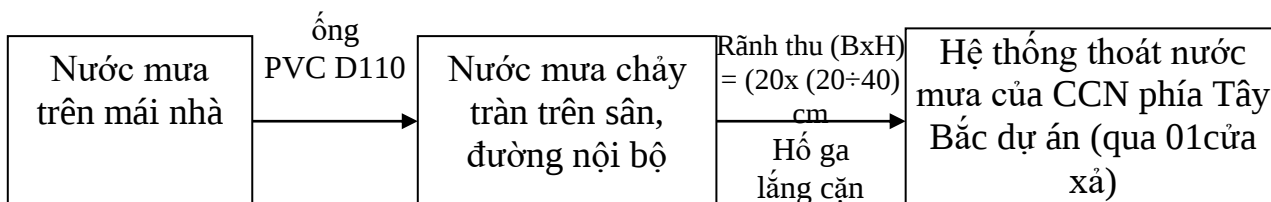
Ngoài ra, để nâng cao hiệu suất xử lý của bể tự hoại chú ý một số vấn đề sau:

+ Định kỳ hút bùn cặn trong bể tự hoại.

+ Định kỳ (3 - 6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình.

\* *Nước mưa chảy tràn:*

#### Sơ đồ 5: Hệ thống thu gom nước mưa



- Nước mưa trên mái của các tòa nhà được thu gom theo đường ống nhựa PVC D110 xuống sân đường nội bộ sau đó cùng với nước mưa chảy tràn trên sân, đường nội bộ chảy vào rãnh thu gom nước bằng bê tông kích thước BxH = (20 x (20÷40) cm, độ dốc i=2%, chiều dài L= 75m về phía đường N5, cách khoảng 20-40m bố trí 1 hố ga kích thước (40x40x50)cm để lắng cặn, tổng số có 8 hố ga lắng cặn. Nước mưa sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mặt của CCN Yên Dương nằm trên vỉa hè đường N5 tại 01 cửa xả phía Tây Bắc dự án.

- Thường xuyên quét dọn và vệ sinh khu vực sân đường để hạn chế tối đa nước mưa chảy tràn cuốn theo chất ô nhiễm trên bề mặt vào nguồn nước tiếp nhận.

- Định kỳ nạo vét bùn, khơi thông hệ thống tiêu thoát nước mưa, tránh ngập lụt khi có mưa bão xảy ra.

#### 2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

\* *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khu vực xưởng sản xuất:*

- Đối với khu vực xưởng sản xuất đúc và gia công cơ khí: Với đặc thù sản xuất tại dự án, để hạn chế ảnh hưởng của hơi mùi, khí thải, và nhiệt độ đến người lao động, cơ sở tiến hành các biện pháp sau:

+ Thiết kế hệ thống thông gió khu vực nhà xưởng theo phương pháp thông gió cưỡng bức kết hợp thông gió tự nhiên để hạn chế nhiệt cũng như lượng khí thải phát sinh gây ảnh hưởng tới người lao động.

+ Việc thông gió tự nhiên thông qua việc thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng, với thiết kế này, không khí trong khu vực xưởng sản xuất theo nguyên lý đối lưu, không khí nóng phát sinh sẽ thổi và thoát ra ngoài dễ dàng. Điều đó sẽ làm giảm đáng kể lượng nhiệt phát sinh khu vực xưởng.

+ Lắp đặt 01 hệ thống làm mát quanh khu vực lò nung để hạn chế phát sinh lượng nhiệt cao trong xưởng sản xuất.

+ Tại khu vực làm sạch vật đúc do sản phẩm sau khi dỡ khuôn được làm sạch bằng máy phun bi hoặc tang quay là thiết bị kín vì vậy không phát sinh bụi ra bên ngoài. Bụi, cát dính bên ngoài vật đúc sau khi làm sạch được thu hồi trong tang quay.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV như nút tai chống ồn, khẩu trang...

+ Tăng cường trồng cây xanh có tán lá rộng xung quanh khu vực xưởng sản xuất nhằm tạo cảnh quan môi trường cũng như tạo vùng đệm để hạn chế tiếng ồn và giảm thiểu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án. Diện tích cây xanh là 1.024 m<sup>2</sup> chiếm 20% diện tích mặt bằng dự án.

*\* Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:*

- Quy định vận tốc ô tô, xe máy khi đi vào khu vực dự án;

- Quy định trọng tải xe chở nguyên liệu, hàng hóa, không chở quá đầy, có vật liệu che chắn thùng xe để tránh rơi vãi, phát tán ra môi trường xung quanh và trên dọc tuyến đường vận chuyển.

- Xây dựng chế độ vận hành xe, các phương tiện giao thông ra vào hợp lý. Xe khi vào đến khu vực dự án phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và hàng hóa không được nổ máy.

- Đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án đều được đổ bê tông để giảm thiểu bụi bị cuốn bay vào không khí.

- Trồng diện tích cây xanh trong khuôn viên dự án là 1.024m<sup>2</sup>, chiếm 20%. Cây xanh góp phần tạo không gian cảnh quan đẹp và cải thiện môi trường. Tác dụng của cây xanh trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: giảm bức xạ nhiệt, giảm nhiệt độ không khí, nhiệt độ bề mặt, tăng độ ẩm, tăng lượng ôxy, hấp thụ các chất độc hại trong không khí; hấp thụ tiếng ồn, giảm nồng độ bụi và cản gió.

### 2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành:

Khi dự án đi vào hoạt động chất thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động văn phòng, vệ sinh cá nhân của cán bộ công nhân viên dự án và rác thải từ quá trình kinh doanh của cơ sở. Dự báo lượng rác thải phát sinh như sau:

| STT | Nguồn phát sinh              | Định mức          | Khối lượng (kg/ngày) |
|-----|------------------------------|-------------------|----------------------|
| 1   | Rác thải của CBCNV (50người) | 0,4 kg/người/ngày | 20                   |

|   |                                                                                                                                                                                      |                                       |                          |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| 2 | Chất thải rắn công nghiệp:                                                                                                                                                           |                                       |                          |
| - | Công đoạn gia công cơ khí: chủ yếu là phôi sắt, thép từ quá trình khoan, tiện các chi tiết chiếm 5% nguyên liệu đầu vào                                                              | 5% x 1.000<br>tấn/năm = 50<br>tấn/năm | 160                      |
| - | Quá trình đúc cơ khí: Chủ yếu là khuôn cát thải, tham khảo hoạt động sản xuất thực tế của các Cơ sở trên địa bàn có cùng loại hình thì khối lượng phát sinh tối đa khoảng 65kg/ngày. |                                       | 65                       |
|   | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                     |                                       | <b>245=6.370kg/tháng</b> |

(ghi chú: 1 tháng làm 26 ngày)

- Đối với chất thải nguy hại: Khi dự án đi vào hoạt động, dự kiến thành phần, khối lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh như sau:

| STT         | Loại chất thải            | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) |
|-------------|---------------------------|--------------------|---------------------|
| 1           | Giẻ lau dính dầu mỡ thải  | Rắn                | 150                 |
| 2           | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn                | 2                   |
| 3           | Cặn bã tẩy rửa            | Rắn                | 2000                |
| 4           | Đầu mẫu que hàn           | Rắn                | 15                  |
| 5           | Dầu thải                  | Lỏng               | 100                 |
| <b>Tổng</b> |                           |                    | <b>2267</b>         |

- Biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Toàn bộ khối lượng chất thải phát sinh từ hoạt động của Công ty sẽ được thu gom, xử lý trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Đối với rác thải sinh hoạt, chủ dự án sẽ bố trí thùng chứa rác thải ngay tại nơi phát sinh được đặt tại các khu vực nhà điều hành, khu vực xưởng sản xuất (khoảng 3 thùng nhựa thể tích 50 lít có nắp đậy). Rác thải phát sinh và được thu gom hàng ngày, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương để vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp: Cát thải sau khi được tái sử dụng nhiều lần sẽ được bán cho các cơ sở có nhu cầu san lấp mặt bằng. Phôi thép thừa, bavia từ quá trình khoan, tiện các chi tiết sẽ được Cơ sở thu gom tái sử dụng vào quá trình sản xuất.

+ Biện pháp giảm thiểu, xử lý đối với chất thải nguy hại:

Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 3,5m<sup>2</sup> đặt bên trong khu vực xưởng sản xuất có thùng chứa chất thải theo quy định.

Từng loại chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa riêng và có dán mác ghi mã chất thải nguy hại cho từng loại và được kẻ vạch chia ô từng loại chất thải. Tổng số có 5 thùng chứa rác nguy hại, thể tích từ 50-100 lít/thùng để lưu chứa chất thải có khối lượng, kích thước nhỏ.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị được cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

*2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:*

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như thiết bị nâng hạ, thiết bị áp lực, máy nén khí...

- Đối với máy có kích thước lớn gây rung lắc trong quá trình hoạt động sẽ được cố định bằng đệm cao su đàn hồi.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như nút chống ồn, găng tay,...

*2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:*

*\* Các biện pháp phòng chống cháy nổ:*

- Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc tổ chức các lớp huấn luyện về an toàn lao động vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành.

Trong quá trình đi vào hoạt động, Công ty sẽ luôn chú trọng đến công tác an toàn phòng cháy chữa cháy. Hệ thống PCCC trong khu vực dự án bao gồm chữa cháy bằng nước và bình chữa cháy đặt tại khu vực dễ cháy. Tại khu vực dễ cháy đều có bảng nội quy an toàn về phòng cháy chữa cháy, bảng hướng dẫn thao tác sử dụng các thiết bị PCCC.

Công ty cũng ban hành các quy định về an toàn cháy nổ và thường xuyên được phổ biến đến tất cả cán bộ công nhân viên trong khu vực dự án.

*\* Phòng chống sự cố về các công trình xử lý môi trường.*

- Bể xử lý nước thải tập trung:

+ Quá trình xây dựng các bể xử lý nước thải được tuân thủ theo đúng quy định của thiết kế.

+ Thường xuyên có nhân viên kiểm tra sức chứa của bể để kịp thời phát hiện những chỗ bị rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

+ Định kỳ kiểm tra hiệu quả của các ngăn vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước thải để có chế độ vệ sinh, thay thế vật liệu lọc mới.

*\* Biện pháp phòng chống và giảm thiểu sự cố do thiên tai:*

+ Thiết kế hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn chống sét TCVN – công trình được trang bị hệ thống chống sét kiểu lưới (gồm các kim chống sét, dây dẫn, bộ phận tiếp đất,...).

+ Kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện.

+ Kê cao hàng hoá, nguyên vật liệu. Thường xuyên kiểm tra, khơi thông cống rãnh.

+ Thành lập ban phòng chống bão lụt tại khu vực dự án, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

Ngoài ra, để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả kinh tế cao mà vẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường hiệu quả, cần thiết phải áp dụng song song các giải pháp về quản lý và kỹ thuật cũng như biện pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên góp phần tạo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo hướng dẫn chung của các cấp có chuyên môn.

*2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.*

Hoạt động của dự án không xả nước thải trực tiếp vào công trình thủy mà đầu nối vào hệ thống thoát nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CNN Yên Dương tiếp tục xử lý.

### **3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

**Bảng 5: Danh mục các công trình bảo vệ môi trường**

| TT          | Tên hạng mục công trình                                         | Thông số          | Kinh phí<br>(đồng) | Thời gian dự<br>kiến hoàn<br>thành |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------------------------------|
| 1           | Hệ thống thu gom nước mưa                                       | 01 HT             | 90.000.000         | Quý II/2025                        |
| 2           | Hệ thống thu gom thoát nước thải                                | 01 HT             | 23.000.000         |                                    |
| 3           | Bể xử lý nước thải tập trung (bể yếm khí, lắng, lọc, khử trùng) | 01 bể             | 50.000.000         |                                    |
| 4           | Kho chứa chất thải CTNH                                         | 3,5m <sup>2</sup> | 6.000.000          |                                    |
| 5           | Kho chứa chất thải rắn thông thường                             | 6,5m <sup>2</sup> | 15.000.000         |                                    |
| 6           | Thùng chứa rác thải rắn<br>(V=50lít/thùng)                      | 3 thùng           | 1.500.000          |                                    |
| 7           | Thùng chứa chất thải nguy hại<br>(V=50-100 lít/thùng)           | 5 thùng           | 2.500.000          |                                    |
| 8           | Trồng cây xanh S=1.024m <sup>2</sup>                            |                   | 100.000.000        |                                    |
| <b>Tổng</b> |                                                                 |                   | <b>288.000.000</b> |                                    |

**- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

+ Dự án sẽ thành lập tổ vệ sinh chuyên quét dọn tại xưởng sản xuất, nhà điều hành, đường giao thông,... đảm thu gom toàn bộ chất thải về nơi tập kết.

+ Nhân viên an toàn lao động thực hiện các công việc sau:

Giám sát việc thực hiện an toàn lao động của toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Tổ chức thẩm định và nghiệm thu các điều kiện an toàn, PCCC, các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, bảo hộ lao động.

Lập các biển báo, che chắn tại các khu vực nguy hiểm để phòng xảy ra tai nạn.

Lập kế hoạch, thực hiện huấn luyện an toàn lao động, phổ biến an toàn lao động định kỳ cho CBCNV.

Báo cáo các nội dung về an toàn, tai nạn lao động của công trường cho cơ quan chức năng của Nhà nước.

+ 01 Cán bộ kỹ thuật thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra bể tự hoại, hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa.

Vận hành hệ thống xử lý khí thải.

Vận hành bể xử lý nước thải tập trung.

#### **4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:**

##### *4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá, dự báo*

Đánh giá tác động môi trường của dự án tới các đối tượng chịu tác động đều tuân thủ theo một trình tự:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án.
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn tác động, quy mô không gian, thời gian, tính nhạy cảm của đối tượng bị tác động.

Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ các hoạt động của dự án mà còn được xem xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường đối với các tác động này.

Các đánh giá về các tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Chính vì vậy trên cơ sở các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố một cách tương đối và khả thi.

##### *4.2. Nhận xét về độ tin cậy của các đánh giá*

Báo cáo sử dụng các phương pháp đánh giá chi tiết và có độ chính xác cao, rõ ràng nên kết quả đánh giá là có thể tin cậy. Tuy nhiên vẫn còn một số đánh giá tác động mang tính định tính hoặc bán định lượng do chưa đủ thông tin, chưa có số liệu chi tiết để đánh giá. Nhưng nhìn chung báo cáo đã đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và có độ tin cậy cần thiết về các tác động của dự án, đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với đánh giá các tác động môi trường không liên quan đến chất thải và các sự cố chủ yếu mang tính chất nhận xét dựa trên tình hình thực tế đã diễn ra và tình hình cụ thể tại địa phương triển khai dự án. Tuy nhiên khả năng xảy ra các tác động xấu này còn phụ thuộc vào cách thức quản lý và biện pháp thực hiện của Chủ dự án. Do đó, độ tin cậy của các đánh giá này ở mức độ trung bình.

## **Chương V**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:**

Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom xử lý đạt quy chuẩn 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Yên Dương để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), nên báo cáo không đề nghị cấp phép đối với nước thải.

#### **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có.**

#### **3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn phát sinh tiếng ồn.:

+ Nguồn số 01: Từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy bao gồm: các phương tiện của CBCNV, xe vận chuyển hàng hóa xuất nhập kho, tiếng nổ máy, tiếng còi gây ồn.

+ Nguồn số 02: Từ các thiết bị máy móc sản xuất như máy sóc bì, máy hàn, máy mài,...

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc. Theo đó trong mọi thời điểm khi làm việc, mức áp âm cực đại không vượt quá 115 dBA.

## **Chương VI**

### **KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

#### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:**

Không có:

#### **2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.**

Căn cứ vào Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường 2020; Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại phụ lục XXVIII của Nghị định. Tuy nhiên trong quá trình đi vào hoạt động Công ty sẽ thực hiện lấy mẫu quan trắc để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải, cụ thể như sau:

##### *\* Nước thải*

- Vị trí quan trắc giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi thoát ra công thoát nước thải chung của CCN.

- Tần suất quan trắc giám sát : 1 lần/năm.

- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho, clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

#### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.**

Nguồn kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Công ty được lấy từ nguồn tài chính của Công ty. Tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường khoảng 5.000.000 đồng/năm.

## **Chương VII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

- Công ty cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

+ Cam kết chất lượng không khí trong nhà xưởng đạt QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Cam kết tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của CCN Yên Dương.

Cam kết ký hợp đồng xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trong giai đoạn hoạt động theo đúng quy định, không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong Công ty và khu vực xung quanh.

## **PHỤ LỤC**